

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 96/2003/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2003

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thi hành Nghị định số 102/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001
của Chính phủ quy định chi tiết về kiểm tra sau thông quan
đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu**

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 102/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết về Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu;

Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể một số nội dung về kiểm tra sau thông quan như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Kiểm tra sau thông quan

1.1. Kiểm tra sau thông quan là hoạt động kiểm tra của cơ quan Hải quan nhằm thẩm định tính chính xác, trung thực của nội dung các chứng từ mà chủ hàng hoá hoặc người được uỷ quyền, tổ chức, cá nhân trực tiếp xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây viết là đơn vị được kiểm tra) đã khai, nộp, xuất trình với cơ quan Hải quan, để ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về hải quan, gian lận thuế, vi phạm chính sách quản lý xuất nhập khẩu đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan.

1.2. Đối tượng kiểm tra sau thông quan là các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan, chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính, các dữ liệu điện tử và các giấy tờ khác có liên quan đến lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu của các tổ chức, cá nhân gồm: người khai hải quan, đại lý làm thủ tục hải quan; người hoặc đại lý mua, bán, tiêu thụ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; tổ chức, cá nhân lưu giữ và sử dụng hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan.

1.3. Phạm vi kiểm tra sau thông quan:

1.3.1. Việc kiểm tra sau thông quan chỉ được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan.

1.3.2. Trước và trong quá trình kiểm tra sau thông quan, cơ quan Hải quan phải làm việc với các cơ quan như: Cơ quan Thuế, Ngân hàng, Bảo hiểm, Giám định, Vận tải, Giao nhận và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan để đối chiếu, thẩm tra xác minh tính chính xác của các chứng từ, tài liệu thuộc lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan, cụ thể:

- Các bản kê hoá đơn hàng hoá, dịch vụ mua vào bán ra, các tờ khai thuế, báo cáo tài chính...của đơn vị được kiểm tra;
- Chứng từ thanh toán qua Ngân hàng;
- Chứng từ bảo hiểm;
- Chứng thư giám định, kết quả giám định, phân tích, phân loại hàng hoá;
- Hợp đồng vận tải, vận tải đơn và các chứng từ tương đương;
- Hợp đồng, hoá đơn hoặc các chứng từ giao nhận hàng hoá;
- Các chứng từ, tài liệu của các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện, cung cấp các chứng từ, sổ kế toán, báo cáo tài chính, các thông tin, tài liệu cần thiết, phục vụ trực tiếp cho việc kiểm tra sau thông quan theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan Hải quan.

1.3.3. Trường hợp cần thiết đối với số hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan còn đang lưu giữ tại đơn vị được kiểm tra hoặc các tổ chức, cá nhân

khác có liên quan thì cơ quan Hải quan tiến hành kiểm tra thực tế hàng hoá để có kết luận chính xác nội dung kiểm tra.

1.3.4. Trong thời hạn 5 năm (60 tháng) kể từ ngày hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu được thông quan, cơ quan Hải quan được áp dụng biện pháp kiểm tra sau thông quan nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã thông quan đó.

2. Dấu hiệu vi phạm pháp luật về hải quan

Dấu hiệu vi phạm pháp luật về hải quan cụ thể như sau:

2.1. Khi phát hiện có dấu hiệu các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan không hợp pháp, hợp lệ theo quy định về hình thức, nội dung ghi chép, trình tự thời gian (như sự không khớp, không đúng, không thống nhất, thiếu tính hợp lý giữa các chứng từ đó trong hồ sơ hải quan liên quan đến các thông tin về tên hàng; số lượng; trọng lượng; dung tích, thể tích; nhãn hiệu; mã số, thuế suất; tính chất; thành phần, cấu tạo; công dụng; quy cách đóng gói và các thuộc tính khác của hàng hoá).

2.2. Khi phát hiện có dấu hiệu khai trị giá tính thuế không hợp lý, không đúng chế độ quy định về quản lý giá tính thuế của Nhà nước như:

2.2.1. Khai sai giá tính thuế hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, giá thực tế phải thanh toán hoặc đã thanh toán;

2.2.2. Giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu quá bất hợp lý và chênh lệch thấp hơn so với:

- Giá bán của hàng hoá đó trên thị trường nội địa Việt Nam sau khi đã trừ thuế, các chi phí và lợi nhuận hợp lý sau nhập khẩu và/hoặc
- Giá nhập khẩu của hàng hoá giống hệt, hàng hoá tương tự do các doanh nghiệp khác nhập khẩu tại cùng thời điểm, cùng thị trường, cùng phương thức giao hàng.

2.2.3. Phương thức và thời gian thanh toán thực tế không phù hợp với việc khai trên hồ sơ hải quan và không đúng với quy định của Nhà nước;

2.2.4. Bất hợp lý trong việc khai phương thức vận tải, phương tiện vận tải, quãng đường vận tải, tuyến đường vận tải, cước phí vận tải.

2.2.5. Bất hợp lý trong việc khai phí bảo hiểm.

2.3. Thông tin về xuất xứ, giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) của hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu không đúng với quy định và thực tế hàng hoá hoặc có dấu hiệu giả mạo giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá nhằm hưởng các chính sách ưu đãi về thuế và gian lận thương mại.

2.4. Có dấu hiệu gian lận trong việc hưởng ưu đãi về chính sách thuế, gian lận thương mại như: Sử dụng không đúng mục đích, gian lận định mức tiêu hao nguyên liệu, phụ liệu đối với hàng gia công, hàng nhập khẩu sản xuất hàng xuất khẩu, hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu được hưởng chế độ miễn, giảm, hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các Luật Thuế khác có liên quan, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước...

2.5. Lô hàng có dấu hiệu vi phạm chính sách quản lý hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của Nhà nước như: Hàng hoá cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của Bộ Thương mại hoặc cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền nhưng không có giấy phép; hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo quản lý chuyên ngành nhưng không đủ điều kiện để xuất khẩu, nhập khẩu; hàng hóa vi phạm về loại hình xuất khẩu, nhập khẩu; hàng hoá có dấu hiệu vi phạm về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra giám sát hải quan như lợi dụng chế độ miễn kiểm tra hải quan hoặc kiểm tra xác suất thực tế hàng hoá không quá 10%;

2.6. Có thông tin về nội dung kết luận của chứng thư giám định, kết quả phân tích, phân loại lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu do các cơ quan, tổ chức giám định, phân tích, phân loại hàng hoá không đúng với tính chất và công dụng thực tế của hàng hoá; thẩm quyền, chức năng, phạm vi giám định, phân tích, phân loại hàng hoá không đúng quy định nhằm lợi dụng để gian lận thương mại, trốn thuế.

2.7. Các dấu hiệu nghi vấn khác.

3. Tổ chức thu thập, phân tích, xử lý và quản lý thông tin

3.1. Các nguồn thu thập thông tin:

Dấu hiệu vi phạm pháp luật về Hải quan được thu thập từ nhiều nguồn thông tin khác nhau như:

3.1.1. Trong ngành Hải quan:

- Thông tin từ quá trình thông quan như: từ bộ phận tiếp nhận đăng ký tờ khai, bộ phận kiểm tra thực tế hàng hoá, bộ phận tính thuế, bộ phận giá;
- Thông tin từ công tác phức tạp hồ sơ hải quan tại các Chi cục Hải quan qua các báo cáo định kỳ và đột xuất;
- Thông tin từ các đơn vị nghiệp vụ thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố như Phòng giá, Phòng tham mưu chống buôn lậu và xử lý, Phòng nghiệp vụ, Đội kiểm soát Hải quan, Thanh tra;
- Thông tin từ các Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố khác nơi tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu đăng ký tờ khai hải quan;
- Thông tin từ các đơn vị nghiệp vụ thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan như Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan, Vụ Giám sát quản lý về hải quan, Vụ kiểm tra thu thuế xuất nhập khẩu, Vụ Pháp chế, Vụ Hợp tác quốc tế, Thanh tra Tổng cục, các Trung tâm Phân tích phân loại hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam.

3.1.2. Thông tin từ các đơn vị trong ngành Tài chính:

- Các đơn vị trong ngành Thuế;
- Các đơn vị thuộc hệ thống Thanh tra tài chính các cấp;
- Cục Tài chính doanh nghiệp;
- Cục Quản lý giá, các Trung tâm thẩm định giá;
- Các đơn vị thuộc hệ thống Kho bạc Nhà nước;
- Các đơn vị khác thuộc và trực thuộc ngành Tài chính.

3.1.3. Thông tin ngoài ngành Tài chính:

- Thông tin từ các cơ quan ngoài ngành: Bộ Thương mại, Cơ quan Quản lý thị trường, Cơ quan Công an, Cơ quan Kiểm lâm, Ngân hàng, Bộ đội Biên phòng, các Cơ quan Thanh tra chuyên ngành thuộc các Bộ quản lý chuyên ngành...;
- Thông tin từ cộng đồng các doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu, đặc biệt là các doanh nghiệp nhập khẩu mặt hàng giống hệt, mặt hàng tương tự;